

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2019/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 11 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, cung cấp thông tin  
và duy trì hoạt động Cổng Thông tin điện tử tỉnh Bến Tre**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin năm 2006;*

*Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;*

*Căn cứ Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng thông tin điện tử và mạng xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 1964/TTr-VPUBND ngày 28 tháng 12 năm 2018.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, cung cấp thông tin và duy trì hoạt động Cổng thông tin điện tử tỉnh Bến Tre.

## **Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2019.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Cao Văn Trọng**

**QUY CHẾ**

**Quản lý, vận hành, cung cấp thông tin và duy trì hoạt động  
Cổng Thông tin điện tử tỉnh Bến Tre**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND  
ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về tổ chức, quản lý, vận hành, sử dụng, cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Bến Tre (sau đây gọi tắt là Cổng TTĐT tỉnh).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng cho các sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân (UBND) các huyện, thành phố và các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh Bến Tre; các tổ chức, cá nhân tự nguyện tham gia cung cấp thông tin, khai thác và sử dụng thông tin, dịch vụ công trực tuyến trên Cổng TTĐT tỉnh.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cổng TTĐT tỉnh bao gồm Cổng TTĐT của Ủy ban nhân dân tỉnh và các Cổng TTĐT thành phần của các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có cấu trúc địa chỉ theo quy định tại Điều 6 Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

2. Cổng TTĐT của Ủy ban nhân dân tỉnh là Cổng cung cấp thông tin chính thức về hoạt động chủ yếu của Ủy ban nhân dân tỉnh; tích hợp các dịch vụ công trực tuyến của tỉnh theo Nghị định 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ và các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

3. Cổng thành phần là Cổng cung cấp thông tin chính thức về hoạt động chủ yếu của các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có Cổng TTĐT; tích hợp các dịch vụ công trực tuyến lên Cổng TTĐT của Ủy ban nhân dân tỉnh và các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

4. Hệ thống Cổng TTĐT tỉnh bao gồm hạ tầng kỹ thuật của Cổng TTĐT tỉnh và hệ thống phần mềm ứng dụng Cổng TTĐT tỉnh phục vụ cho việc thu thập, xử lý, lưu trữ, xuất bản, truyền tải và trao đổi thông tin.

5. Hạ tầng kỹ thuật Cổng TTĐT tỉnh vận hành chung hệ thống Cơ sở dữ liệu điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh đặt tại Văn phòng UBND tỉnh gồm các máy chủ,

đường truyền dữ liệu, thiết bị mạng, thiết bị bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, các thiết bị phụ trợ khác có liên quan được bố trí tại hệ thống Cơ sở dữ liệu điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Hệ thống phần mềm Cổng TTĐT tỉnh gồm các phần mềm hệ thống, phần mềm nền, phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu, phần mềm Cổng và các phần mềm khác được cài đặt chung hệ thống Cơ sở dữ liệu điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Hệ thống Cơ sở dữ liệu điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh bao gồm hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh Bến Tre, hệ thống Công báo điện tử tỉnh, hệ thống Cổng thông tin điện tử Nông thôn mới tỉnh, hệ thống chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và hệ thống mạng LAN của Văn phòng UBND tỉnh.

8. Dịch vụ công trực tuyến: Dịch vụ hành chính công và các dịch vụ khác của cơ quan nhà nước được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng.

#### **Điều 4. Chức năng của Cổng TTĐT tỉnh**

1. Là đầu mối kết nối hoạt động cung cấp thông tin chính thức qua mạng Internet của Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có Cổng thành phần, phục vụ triển khai cải cách hành chính, cung cấp tích hợp các dịch vụ công, hướng tới xây dựng nền hành chính điện tử.

2. Cổng TTĐT tỉnh có nhiệm vụ tích hợp các hệ thống thông tin khác, từng bước hình thành Cổng TTĐT đầy đủ của tỉnh trên mạng Internet, là nơi tập trung thông tin làm đầu mối giao tiếp giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

3. Có khả năng nâng cấp, mở rộng các chức năng khác trong phạm vi hỗ trợ của công nghệ xây dựng Cổng TTĐT tỉnh khi có nhu cầu phát sinh và phải được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

4. Khuyến khích Cổng TTĐT tỉnh có các mục thông tin khác bằng tiếng Anh và các ngôn ngữ khác.

5. Tên gọi:

- Tên tiếng Việt: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Bến Tre.
- Tên tiếng Anh: Ben Tre Portal.

#### **Điều 5. Hình thức thể hiện, thông tin chủ yếu**

1. Nội dung thông tin trên Cổng TTĐT tỉnh được trình bày dưới dạng văn bản, hình ảnh, âm thanh, video và đồ họa.

2. Cổng TTĐT tỉnh phải có những thông tin chủ yếu theo quy định tại Chương II Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ; quy định tại khoản 2, Điều 28 Luật Công nghệ thông tin.

#### **Điều 6. Bảo đảm tính thống nhất và phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật**

1. Thống nhất sử dụng Bộ mã ký tự chữ Việt Unicode theo tiêu chuẩn 6909:2011 trong việc lưu trữ và trao đổi thông tin, dữ liệu trên Cổng TTĐT tỉnh.

2. Cổng TTĐT tỉnh phải tuân thủ các tiêu chuẩn về ứng dụng Công nghệ thông tin được quy định tại Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Cổng TTĐT tỉnh phải tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và đảm bảo khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

### **Điều 7. Thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân**

Việc thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân trên Cổng TTĐT tỉnh phải tuân thủ theo quy định tại Điều 21, 22 của Luật Công nghệ thông tin và các quy định hiện hành.

### **Điều 8. Quảng cáo trên Cổng TTĐT tỉnh**

1. Cổng TTĐT tỉnh khi thực hiện các dịch vụ quảng cáo phải được UBND tỉnh chấp thuận và phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Quảng cáo trên Cổng TTĐT tỉnh phải được chọn lọc chủ yếu giới thiệu các sản phẩm tiềm năng kinh tế của tỉnh, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh.

## **Chương II**

### **NGUYÊN TẮC, TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP, TIẾP NHẬN VÀ LƯU TRỮ THÔNG TIN TRÊN CỔNG TTĐT TỈNH**

### **Điều 9. Nguyên tắc cung cấp, tiếp nhận thông tin**

1. Thông tin cung cấp trên Cổng TTĐT của Ủy ban nhân dân tỉnh và các Cổng TTĐT thành phần của các cơ quan, đơn vị tham gia trên Cổng TTĐT tỉnh phải đúng với quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; phục vụ kịp thời trong công tác quản lý của cơ quan và nhu cầu khai thác thông tin của các tổ chức, cá nhân.

2. Thông tin cung cấp trên Cổng TTĐT tỉnh phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, báo chí, sở hữu trí tuệ và quản lý thông tin trên Internet.

3. Việc đăng tải, trích dẫn, sử dụng lại thông tin trên Cổng TTĐT của cơ quan phải ghi rõ thông tin về tác giả, nguồn của thông tin.

4. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khi cung cấp thông tin, giao tiếp trên Cổng TTĐT tỉnh phải chịu sự kiểm duyệt của Ban biên tập Cổng TTĐT tỉnh.

5. Các cơ quan, đơn vị của tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Cổng TTĐT tỉnh và tiếp nhận giải đáp ý kiến, phản ánh của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

6. Mọi sự thay đổi của nội dung các thông tin quy định tại Điều 10 Quy chế này phải được cung cấp, cập nhật kịp thời ngay sau khi nội dung thay đổi đã được tổ chức hoặc cá nhân có thẩm quyền quyết định.

**Điều 10. Trách nhiệm cung cấp và thời hạn cập nhật thông tin trên Cổng TTĐT tỉnh**

## 1. Văn phòng UBND tỉnh:

a) Cung cấp thường xuyên, kịp thời các thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kèm theo Quyết định 58/2016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh.

b) Thông tin chỉ đạo, điều hành bao gồm: Ý kiến chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh đã được chính thức ban hành bằng văn bản (không thuộc phạm vi bí mật nhà nước); ý kiến xử lý, phản hồi đối với các kiến nghị, yêu cầu của tổ chức, cá nhân; thông tin khen thưởng; xử phạt đối với tổ chức, doanh nghiệp; lịch làm việc của Lãnh đạo UBND tỉnh.

c) Các thông tin khác được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận theo đề nghị của Ban Biên tập Cổng TTĐT tỉnh hoặc đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

## 2. Sở Nội vụ:

Cung cấp các thông tin về sơ đồ, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị trực thuộc; tóm lược quá trình hình thành và phát triển của cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; tiểu sử tóm tắt và nhiệm vụ đảm nhiệm của Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh. Khi có thay đổi thông tin về các nội dung nêu trên, Sở Nội vụ có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh để điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

## 3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Cung cấp tập tin ảnh của Bản đồ địa giới hành chính đến cấp xã (kèm theo diện tích tự nhiên từng xã).

b) Cung cấp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch, kế hoạch và hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên; quy hoạch thu gom tái chế, xử lý chất thải; danh sách, thông tin về các nguồn thải, các loại chất thải có nguy cơ gây hại tới sức khỏe con người và môi trường; khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái ở mức nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường.

## 4. Sở Tư pháp

Thông tin, tuyên truyền văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, của tỉnh và các văn bản hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ chính sách của nhà nước.

## 5. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Cung cấp các thông tin về: Điều kiện tự nhiên và đặc điểm kinh tế - xã hội của tỉnh; chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; chính sách ưu đãi, cơ hội đầu tư, các dự án mời gọi vốn đầu tư;

b) Thông tin về dự án, hạng mục đầu tư gồm: Danh sách các dự án đang chuẩn bị đầu tư, các dự án đang triển khai, các dự án đã hoàn tất; mỗi dự án cần có các thông tin gồm: Tên dự án, mục tiêu chính, lĩnh vực chuyên môn, loại dự án, thời gian thực hiện, kinh phí dự án, loại hình tài trợ, nhà tài trợ, tình trạng dự án.

## 6. Sở Tài chính:

Cung cấp thông tin về các dự án mua sắm công, gồm: Danh sách các dự án đang chuẩn bị đầu tư, các dự án đang triển khai, các dự án đã hoàn tất. Mỗi dự án cần

có các thông tin gồm: Tên dự án, mục tiêu chính, lĩnh vực chuyên môn, loại dự án, thời gian thực hiện, kinh phí dự án, loại hình tài trợ, nhà tài trợ, tình trạng dự án.

#### 7. Sở Xây dựng:

Cung cấp các thông tin về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.

#### 8. Sở Khoa học và Công nghệ:

Cung cấp các thông tin về chương trình, đề tài khoa học có sử dụng ngân sách nhà nước, gồm:

- Danh mục các chương trình, đề tài bao gồm: Mã số, tên, cấp quản lý, lĩnh vực, đơn vị chủ trì, thời gian thực hiện.

- Kết quả các chương trình, đề tài sau khi đã được Hội đồng nghiệm thu khoa học thông qua bao gồm: Báo cáo tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai áp dụng của công trình, đề tài. Việc công bố kết quả phải tuân thủ theo quy định.

#### 9. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch:

Cung cấp thông tin về lịch sử, truyền thống văn hoá, di tích du lịch-văn hoá; các lễ hội truyền thống; các tuyến, điểm du lịch; các hoạt động về thể dục, thể thao của ngành, địa phương.

#### 10. Cục Thống kê tỉnh:

Cung cấp thông tin thống kê từ kết quả các cuộc điều tra theo quy định của Luật Thống kê. Thông tin thống kê phải bao gồm đầy đủ số liệu, báo cáo thống kê, phương pháp thống kê và bản phân tích số liệu thống kê, thời gian thực hiện thống kê.

**Điều 11.** Ngoài các thông tin được quy định tại Điều 10 Quy chế này thì các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao phải cung cấp thông tin liên quan ngành, lĩnh vực cho Cổng TTĐT của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời chủ động cập nhật thông tin của ngành, địa phương trên Cổng mình quản lý và tự chịu trách nhiệm về thông tin đã đăng tải.

#### **Điều 12. Trách nhiệm tiếp nhận và lưu trữ thông tin**

##### 1. Trách nhiệm tiếp nhận thông tin:

a) Đối với Cổng TTĐT của Ủy ban nhân dân tỉnh: Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận thông tin theo quy định tại Quy chế này để cập nhật trên Cổng TTĐT của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin đã đăng tải.

b) Đối với Cổng TTĐT thành phần: Cơ quan chủ quản Cổng thành phần tiếp nhận thông tin theo quy định tại Quy chế này để cập nhật trên Cổng TTĐT thành phần và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin đã đăng trên cổng mình quản lý.

2. Trách nhiệm lưu trữ thông tin: Cơ quan chủ quản có trách nhiệm bảo đảm việc lưu trữ thông tin của Cổng TTĐT tỉnh theo quy định của Nhà nước về Lưu trữ.

#### **Điều 13. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến**

Văn phòng UBND tỉnh chủ trì và phối hợp các cơ quan có liên quan trong việc liên kết, tích hợp dịch vụ công trực tuyến lên Cổng TTĐT của Ủy ban nhân dân tỉnh

và các Công thành phần thực hiện theo quy định tại Quyết định số 57/2017/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh Bến Tre ban hành Quy chế quản lý, sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ HOẠT ĐỘNG AN TOÀN BẢO MẬT HỆ THỐNG CÔNG TTĐT TỈNH**

### **Điều 14. Đảm bảo hoạt động hệ thống Cổng TTĐT tỉnh**

1. Các thiết bị tường lửa (Firewall), thiết bị định tuyến (Router), các máy chủ (Server), thiết bị chuyển mạch (Switch), thiết bị lưu trữ tập trung (SAN) và các thiết bị khác liên quan đến hệ thống Cổng TTĐT tỉnh phải được đặt trong phòng máy chủ.

2. Phòng máy chủ phải độc lập được giữ khô thoáng, nguồn điện phải ổn định và máy điều hòa nhiệt độ phải được vận hành liên tục. Chỉ có những cán bộ chuyên trách được giao nhiệm vụ mới được vào phòng máy chủ.

3. Hệ thống máy phát điện dự phòng phải trong trạng thái luôn sẵn sàng hoạt động đảm bảo cho hệ thống hạ tầng phòng máy chủ có thể hoạt động xuyên suốt khi mất điện lưới.

4. Thiết bị chống sét, phòng cháy, chữa cháy phải được trang bị, lắp đặt và thường xuyên bảo trì để bảo vệ hệ thống thông tin của cơ quan.

5. Thường xuyên kiểm tra mức độ an toàn của tất cả các thiết bị cho phòng máy chủ hệ thống hạ tầng Cổng TTĐT tỉnh, khi xảy ra sự cố kịp thời báo cáo cho lãnh đạo trực tiếp quản lý đưa ra hướng xử lý khắc phục kịp thời.

### **Điều 15. Đảm bảo an toàn bảo mật thông tin hệ thống Cổng TTĐT tỉnh**

1. Máy chủ hệ thống Cổng TTĐT tỉnh chỉ dùng để triển khai phần mềm hệ thống, cài đặt phần mềm phục vụ hệ thống Cổng TTĐT tỉnh, các phần mềm chống vi rút, các cơ sở dữ liệu và các phần mềm có bản quyền hỗ trợ cho việc triển khai hệ thống Cổng TTĐT tỉnh, ngoài ra không được cài đặt phần mềm nào khác.

2. Không sử dụng máy chủ cho việc duyệt web đọc báo, xem tin tức, chơi trò chơi (Game) và các công việc khác không liên quan đến công việc quản trị kiểm tra hệ thống.

3. Cài đặt phần mềm diệt vi rút có bản quyền cho tất cả các máy chủ hệ thống Cổng TTĐT tỉnh và phải được tự động cập nhật, quét mã độc.

4. Mật khẩu tất cả các tài khoản quản trị hệ thống Cổng TTĐT tỉnh phải có độ phức tạp cao (có độ dài tối thiểu 8 ký tự, có ký tự hoa, có ký tự thường, ký tự số và ký tự đặc biệt như !, @, #, \$, %) và phải thường xuyên thay đổi mật khẩu đăng nhập ít nhất 3 tháng/lần.

5. Tổ chức, quản lý đảm bảo đủ tài nguyên hệ thống để duy trì hoạt động hệ thống Cổng TTĐT tỉnh vận hành liên tục, không bị gián đoạn hệ thống.

6. Phân quyền tài khoản hợp lý theo chức năng của người dùng cho các đơn vị, cá nhân quản lý Cổng TTĐT của UBND tỉnh và các Công thành phần.



7. Các thông tin, dữ liệu điện tử của hệ thống Cổng TTĐT tỉnh phải có giải pháp sao lưu, phục hồi đảm bảo an toàn an ninh thông tin hệ thống.

8. Gỡ bỏ hoặc tắt các dịch vụ không dùng đến hoặc ít dùng như: Netmeeting Remote Desktop Sharing, Remote Registry, Routing & Remote Access, Telnet.

9. Hệ thống thông tin Cổng TTĐT tỉnh phải được xây dựng luôn ở mức độ sẵn sàng cao và tạo các bản sao dữ liệu, hệ thống để hỗ trợ trong việc phục hồi hệ thống.

10. Cần thường xuyên cập nhật và thiết lập chế độ tự động cập nhật bản vá lỗ hổng bảo mật cho phần mềm hệ điều hành và các phần mềm ứng dụng được cài đặt trên máy chủ hệ thống Cổng TTĐT tỉnh; thiết lập chính sách lưu giữ tập tin nhật ký (Log file) trong quá trình hoạt động của mỗi máy chủ theo định kỳ từ 2 tháng trở lên.

11. Hệ thống tường lửa đảm bảo khả năng xử lý được số lượng kết nối đồng thời cao và chịu được lưu lượng truy cập cao, cung cấp đầy đủ các cơ chế bảo mật, quản lý luồng dữ liệu ra, vào và có khả năng bảo vệ hệ thống trước các loại tấn công từ chối dịch vụ; đóng tắt cả các cổng (Port) dịch vụ khi không sử dụng.

12. Tất cả cấu hình trên hệ thống tường lửa, hệ thống chuyển mạch trung tâm, hệ thống máy chủ phải được lưu lại cẩn thận, không được tự ý xóa sửa các cấu hình đã có sẵn. Trường hợp cần thiết phải cấu hình thêm để phục vụ cho an toàn bảo mật thông tin hay phục vụ cho các dịch vụ cần thiết phải có sự đồng ý của lãnh đạo quản lý trực tiếp.

13. Máy tính dùng để quản trị, kiểm soát hoạt động hệ thống phải được cài đặt hệ điều hành bản quyền, diệt vi rút bản quyền; không được cài đặt bất cứ phần mềm nào khác ngoài phần mềm dùng để phục vụ cho việc quản trị hệ thống, đồng thời không được truy cập Internet, chơi Game và các công tác khác.

14. Khi quản trị hệ thống từ xa phải được sự chấp thuận của thủ trưởng cơ quan và phải sử dụng một trong các phương thức kết nối có mã hóa như SSH, VPN, FTPs để bảo đảm an toàn thông tin.

15. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện và khắc phục các lỗ hổng bảo mật bằng các cơ chế bảo mật để đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho Cổng TTĐT tỉnh.

16. Hệ thống Cổng TTĐT tỉnh phải tuân thủ các tiêu chuẩn về ứng dụng Công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

17. Mọi thành viên tham gia vận hành hệ thống Cổng TTĐT tỉnh phải có trách nhiệm bảo quản an toàn, bảo mật thông tin tài khoản truy cập quản trị, biên tập hệ thống (gồm: tên đăng nhập và mật khẩu); không để bị đánh cắp và sử dụng trái phép mật khẩu, khoá mật mã và thông tin tài khoản trên Internet gây phương hại đến thông tin của tỉnh; chịu trách nhiệm về sự cố xảy ra nếu liên quan đến thông tin truy cập quản trị hệ thống.

18. Tất cả thành viên tham gia Cổng TTĐT tỉnh phải tuân thủ theo Điều 7 của Luật An toàn thông tin mạng năm 2015; khi phát hiện có sự cố mất an toàn thông tin phải kịp thời báo ngay cho Văn phòng UBND tỉnh để phối hợp với các cơ quan liên quan xử lý theo đúng quy định.

**Chương IV**  
**TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**  
**TRONG VIỆC QUẢN LÝ, VẬN HÀNH CÔNG TTĐT TỈNH**

**Điều 16. Trách nhiệm của Ban Biên tập Công TTĐT của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Ban Biên tập Công TTĐT của Ủy ban nhân dân tỉnh (địa chỉ hộp thư điện tử: [banbientap@bentre.gov.vn](mailto:banbientap@bentre.gov.vn)) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập (gọi tắt là Ban Biên tập).

2. Ban Biên tập là bộ phận giúp việc cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quản lý, vận hành hạ tầng hệ thống Công TTĐT tỉnh; tiếp nhận, biên tập, xử lý, cập nhật, cung cấp thông tin trên Công TTĐT của Ủy ban nhân dân tỉnh và phối hợp xử lý các vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Công TTĐT tỉnh; đồng thời là đầu mối tiếp nhận, hướng dẫn xử lý các yêu cầu hỗ trợ khi phát sinh các sự cố lỗi kỹ thuật trong quá trình vận hành, sự cố gây mất an toàn thông tin làm dừng hoặc gián đoạn đến hoạt động của các Công thành phần.

3. Ban Biên tập chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về toàn bộ các thông tin đăng tải trên Công TTĐT của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống Công TTĐT tỉnh.

5. Đề xuất chế độ bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp và các biện pháp đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin và dữ liệu của hệ thống Công TTĐT tỉnh.

6. Ban Biên tập được hưởng thù lao theo quy định của Nhà nước.

**Điều 17. Trách nhiệm của Văn phòng UBND tỉnh**

1. Quản lý tên miền [bentre.gov.vn](http://bentre.gov.vn); đảm bảo hoạt động phân giải tên miền cho Công TTĐT tỉnh.

2. Quản lý, đảm bảo hệ thống Công TTĐT tỉnh hoạt động thông suốt 24/7; chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng các trang thiết bị hạ tầng kỹ thuật được giao và kiến nghị đề xuất nâng cấp, bổ sung thay thế các trang thiết bị phục vụ hoạt động hệ thống Công TTĐT tỉnh.

3. Đảm bảo an toàn hệ thống Công TTĐT tỉnh như tại Điều 14, Điều 15 của Quy chế này.

4. Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp kỹ thuật, mỹ thuật trên Công TTĐT của UBND tỉnh.

5. Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng định mức chi nhuận bút, thù lao phục vụ cho Công TTĐT của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Là đầu mối quản lý, kiểm tra, giám sát tất cả các tài khoản quản trị, biên tập, cập nhật của hệ thống Công TTĐT tỉnh.

7. Khi cấp tài khoản quản trị cho các đơn vị có Công thành phần phải tiến hành bàn giao theo đúng quy định.

8. Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh các dự án, kế hoạch tổng thể về: Đầu tư, nâng cấp hệ thống Cổng TTĐT tỉnh để phục vụ tốt hơn, thuận lợi cho người truy cập, cung cấp thông tin.

9. Phối hợp với các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố quản lý xây dựng, duy trì và phát triển các hệ thống Cổng thành phần.

10. Phối hợp với các đơn vị liên quan theo dõi, xem xét, chỉnh sửa, cải tiến các giải pháp kỹ thuật, mỹ thuật cho Cổng TTĐT tỉnh nhằm cải tiến, nâng cấp hệ thống.

11. Là đầu mối tiếp nhận, kiểm tra, khắc phục các sự cố xảy ra đối với hoạt động hệ thống Cổng TTĐT tỉnh.

12. Phối hợp với các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng, triển khai các giải pháp ứng dụng và quản lý phần mềm, phần cứng nhằm đảm bảo bí mật, an toàn, ổn định mạng, an ninh thông tin của Cổng TTĐT tỉnh và phù hợp tiêu chí cấp độ an toàn thông tin mạng được quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 và Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

13. Phải bảo đảm việc lưu trữ bản sao lưu dự phòng trong vòng 03 tháng cho hệ thống Cổng TTĐT tỉnh.

14. Được phép đề nghị cử, gửi cán bộ đi đào tạo - tập huấn công tác liên quan đến hoạt động của hệ thống Cổng TTĐT tỉnh theo kế hoạch đã được duyệt.

15. Hỗ trợ các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố thực hiện công tác quản trị Cổng thành phần.

16. Cấp phát tài nguyên và tích hợp Cổng thông tin điện tử thành phần cho các đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh phù hợp với quy định tại Điều 4 Quy chế này.

### **Điều 18. Trách nhiệm của các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có Cổng thành phần**

1. Chỉ đạo các phòng chuyên môn hoặc cán bộ chuyên trách Công nghệ thông tin bảo đảm cấu trúc Cổng thành phần của đơn vị mình quản lý đúng quy định pháp luật; kiểm tra, giám sát công tác quản trị, biên tập, cập nhật và hoạt động Cổng thành phần của đơn vị mình quản lý; thực hiện theo quy định tại khoản 4, 16, 17, 18 Điều 15 Quy chế này; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quản trị an toàn, bảo mật; cấu trúc, giao diện của Cổng thành phần đơn vị mình quản lý.

2. Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh xử lý các thông tin về kỹ thuật trong hoạt động Cổng thành phần của các đơn vị.

3. Cập nhật đầy đủ thông tin theo quy định trên Cổng thành phần và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về những thông tin, dữ liệu trên Cổng thành phần do đơn vị mình quản lý.

4. Ban hành quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ trong việc tiếp nhận, xử lý, biên tập và cập nhật thông tin lên Cổng thành phần của đơn vị mình.

5. Cung cấp các thông tin theo yêu cầu của Ban Biên tập Cổng TTĐT của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động của hệ thống Cổng thành phần theo quy định và kiến nghị các giải pháp nhằm phát triển và hoàn thiện Cổng TTĐT tỉnh.

7. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có Cổng thành phần, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố quyết định thành lập Ban Biên tập Cổng thành phần.

a) Ban Biên tập Cổng thành phần giúp Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý, thu thập, biên tập, xử lý, cập nhật thông tin trên Cổng thành phần của cơ quan, đơn vị mình.

b) Ban Biên tập Cổng thành phần được hưởng thù lao theo quy định của Nhà nước.

8. Khi phát hiện có sự cố về mặt kỹ thuật hoặc nguy cơ mất an toàn thông tin dữ liệu, Ban Biên tập Cổng thành phần phải báo ngay cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị biết để chỉ đạo, đồng thời báo cáo kịp thời về Ban Biên tập Cổng TTĐT của Ủy ban nhân dân tỉnh để phối hợp xử lý.

#### **Điều 19. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

Sở Tài chính có trách nhiệm cân đối ngân sách của tỉnh để bảo đảm kinh phí hoạt động, duy trì và phát triển Cổng TTĐT của Ủy ban nhân dân tỉnh và các Cổng thành phần các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố.

### **Chương V**

#### **KINH PHÍ THỰC HIỆN, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ KIỂM TRA**

#### **Điều 20. Kinh phí duy trì hoạt động hạ tầng hệ thống Cổng TTĐT tỉnh**

Kinh phí duy trì hoạt động hạ tầng hệ thống Cổng TTĐT tỉnh được đảm bảo từ các nguồn:

1. Ngân sách nhà nước: Kinh phí duy trì hoạt động hạ tầng hệ thống Cổng TTĐT tỉnh được lập trong dự toán chi ngân sách hàng năm của cơ quan thường trực Cổng TTĐT của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Nguồn viện trợ, nguồn hỗ trợ phát triển chính thức của các tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 21. Kinh phí duy trì hoạt động của Cổng thành phần**

1. Nhiệm vụ chi cho các Cổng thành phần của các cơ quan, đơn vị do ngân sách đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có Cổng thành phần quyết định mức chi tạo lập thông tin và chi trả nhuận bút, hàng năm có trách nhiệm xây dựng kế hoạch kinh phí, tổng hợp chung vào dự toán kinh phí hoạt động của cơ quan để gửi cơ quan tài chính cùng cấp trình cơ quan thẩm quyền xem xét phân bổ kinh phí.

3. Việc sử dụng kinh phí để chi cho hoạt động của các Cổng thành phần phải tuân thủ các quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

#### **Điều 22. Chế độ báo cáo và kiểm tra**

Văn phòng UBND tỉnh chủ trì kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; thống kê, đánh giá kết quả hoạt động Cổng thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị. Định kỳ hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố, các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có Cổng TTĐT gửi báo cáo về Văn phòng UBND tỉnh trước ngày 20 tháng 11 hàng năm để Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

## **Chương VI** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 23. Tổ chức thực hiện**

1. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban biên tập các Cổng, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Văn phòng UBND tỉnh để tổng hợp, báo cáo trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Cao Văn Trọng**